



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

tôi

ես
es

bạn
đại từ

դու
tu

anh ấy

նա
na

cô ấy

նա
na

nó

այն
ayn

chúng tôi / chúng ta

մենք
menk'

các bạn

դուք
tuk'

họ

նրանք
nrank'

cái gì

ինչ
inch'

ai

ով
ov

ở đâu

որտեղ
ordegh

tại sao

ինչու
inch'u

làm sao

ինչպես
inch'bes

cái nào

որը
orë

lúc nào

երբ
erp

sau đó

ապա
aba

nếu

եթե
et'e

thật sự

իսկապես
isgabes

nhưng

բայց
payts'

bởi vì

որովհետև
orovhedev

không

ոչ
och'

này

այս
ays

Tôi cần cái này

Սա ինձ պետք է:
Sa ints bedk' ē:

Cái này giá bao nhiêu?

Ի՞նչ արժե սա:
I'nch' arzhe sa:

đó
vật

այդ
ayt

tất cả

բոլոր
polor

hoặc

կամ
gam

và

և
ev

biết

իմանալ
imanal

Tôi biết

Գիտեմ
Kidem

Tôi không biết

Չգիտեմ
Ch'kidem

nghĩ

մտածել
mdadzel

đến

գալ
kal

đặt

դնել
tnel

lấy

վերցնել
verts'nel

tìm

գտնել
kdnel

nghe

լսել
lsel

làm việc

աշխատել
ashkhadel

nói chuyện

խոսել
khosel

cho

տալ
dal

thích

հավանել
havanel

giúp đỡ

օգնել
ōknel

yêu

սիրել
sirel

gọi

զանգել
zankel

chờ đợi

սպասել
sbasel

Tôi thích bạn

Ես քեզ հավանում եմ:
Es k'ez havanum em:

Tôi không thích cái này

Սա ինձ դուր չի գալիս:
Sa ints tur ch'i kalis:

Bạn có yêu tôi không?

Դու սիրո՞ւմ ես ինձ:
Tu siro'wm es ints:

Tôi yêu bạn

Ես քեզ սիրում եմ:
Es k'ez sirum em:

0

զրո
zro

1

մեկ
meg

2

երկու
ergu

3

երեք
erek'

4

չորս
ch'ors

5

հինգ
hink

6

վեց
vets'

7

յոթ
yot'

8

ութ
ut'

9

ինը
ině

10

տաս
das

11

տասնմեկ
dasnmeg

12

տասներկու
dasnergu

13

տասներեք
dasnerek'

14

տասնչորս
dasnch'ors

15

տասնհինգ
dashink

16

տասնվեց
dasnvets'

17

տասնյոթ
dasnyot'

18

տասնութ
dasnut'

19

տասնինը
dashině

20

քսան
k'san

մօի

նոր
nor

սփ

հին
hin

ít

քիչ
k'ich'

nhiều

շատ
shad

bao nhiêu?
đại cương

որքա՞ն
ork'a'n

bao nhiêu?
số

քանի՞
k'ani'

sai

սխալ
skhal

chính xác

ճիշտ
jishd

xấu

վատ
vad

tốt

լավ
lav

hạnh phúc

ուրախ
urakh

ngắn

կարճ
garj

dài

երկար
ergar

nhỏ

փոքր
p'ok'r

lón
to

մեծ
medz

đó
địa điểm

այնտեղ
ayndegh

đây

այստեղ
aysdegh

phải

աջ
ach

trái

ձախ
tsakh

xinh đẹp

գեղեցիկ
keghets'ig

trẻ

երիտասարդ
eridasart

già

ծեր
dzer

xin chào

ողջույն
oghchuyn

hẹn gặp lại

կտեսնվենք
gdesnvenk'

được

լավ
lav

bảo trọng nhé

զգույշ եղիր
zkuysh eghir

đừng lo

մի անհանգստացիր
mi anhanksdats'ir

tất nhiên

իհարկէ
iharge

chúc ngày tốt lành

լավ օր
lav őr

chào

բարև
parev

bái bai

հաջողություն
hachoghut'yun

tạm biệt

ցտեսություն
ts'desut'yun

xin làm phiền

ներեցեք
nerets'ek'

xin lỗi

ներողություն
neroghut'yun

cảm ơn bạn

շնորհակալ եմ
shnorhagal em

làm ơn

խնդրում եմ
khntrum em

Tôi muốn cái này

Ես ուզում եմ սա
Es uzum em sa

bây giờ

հիմա
hima

buổi chiều

կեսօրից հետո
gesōrits' hedo

buổi sáng
9:00-11:00

առավոտ
aṙavod

ban đêm

գիշեր
kisher

buổi sáng
6:00-9:00

վաղ առավոտ
vagh aṙavod

buổi tối

երեկո
erego

buổi trưa

կեսօր
gesōr

nửa đêm

կեսգիշեր
geskisher

giờ

ժամ
zham

phút

րոպե
robe

giây

վայրկյան
vayrgyan

ngày

օր
ōr

tuần

շաբաթ
shapat'

tháng

ամիս
amis

năm

տարի
dari

thời gian

ժամանակ
zhamanag

ngày tháng

ամսաթիվ
amsat'iv

ngày hôm kia

երեկ չէ առաջի օրը
ereg ch'ê aṛachi òrě

hôm qua

երեկ
ereg

hôm nay

այսօր
aysōr

ngày mai

վաղը
vaghě

ngày kia

վաղը չէ մյուս օրը
vaghě ch'ê myus òrě

thứ hai
ngày

երկուշաբթի
ergushapt'i

thứ ba
ngày

երեքշաբթի
erek'shapt'i

thứ tư
ngày

չորեքշաբթի
ch'orek'shapt'i

thứ năm

հինգշաբթի
hinkshapt'i

thứ sáu

ուրբաթ
urpat'

thứ bảy

շաբաթ
shapat'

chủ nhật

կիրակի
giragi

Ngày mai là thứ bảy

Վաղը շաբաթ է:
Vaghê shapat' ē:

cuộc đời

կյանք
gyank'

đàn bà

կին
gin

đàn ông

մարդ
mart

tình yêu

սեր
ser

bạn trai

զուգընկեր
zükənger

bạn gái

զուգընկերուհի
zükəngeruhi

bạn
đanh từ

ընկեր
ěnger

hôn
danh từ

համբույր
hampuyr

tình dục

սեքս
sek's

trẻ em

երեխա
erekha

em bé

երեխա
erekha

con gái
đại cương

աղջիկ
aghchig

con trai
đại cương

տղա
dgha

mẹ

մամ
mam

ba

պապ
bab

má
mẹ

մայրիկ
mayrig

cha

հայրիկ
hayrig

cha mẹ

ծնողներ
dznoghner

con trai
gia đình

որդի
orti

con gái
gia đình

դուստր
tusdr

em gái

փոքր քույր
p'ok'r k'uyr

em trai

փոքր եղբայր
p'ok'r eghpayr

chị gái

մեծ քույր
medz k'uyr

anh trai

մեծ եղբայր
medz eghpayr

đúng

կանգնել
ganknel

ngồi

նստել
nsdel

nằm xuống

պառկել
bargel

đóng

փակել
p'agel

mở
cửa

բացել
pats'el

thua

պարտվել
bardvel

thăng

հաղթել
haght'el

chết

մահանալ
mahanal

sống
động từ

ապրել
abrel

bật

միացնել
miats'nel

tắt

անջատել
anchadel

giết

սպանել
sbanel

làm bị thương

վնասել
vnasel

chạm

դիպչել
tibch'el

xem

դիտել
tidel

uống

խմել
khmel

ăn

ուտել
udel

đi bộ

քայլել
k'aylel

gặp

հանդիպել
hantibel

đặt cược

խաղադրույք կատարել
khaghatruyk' gadarel

hôn
động từ

համբուրել
hampurel

đi theo

հետևել
hedevel

cười

ամուսնանալ
amusnanal

trả lời

պատասխանել
badaskhanel

hỏi

հարցնել
harts'nel

câu hỏi

հարց
harts'

công ty

ընկերություն
ëngerut'yun

kinh doanh

գործարարություն
kordzararut'yun

việc làm

աշխատանք
ashkhadank'

tiền

փող
p'ogh

điện thoại

հեռախոս
herakhos

văn phòng

օֆիս
ōfis

bác sĩ

բժիշկ
pzhishg

bệnh viện

հիվանդանոց
hivantanots‘

y tá

բուժքույր
puzhk‘uyr

cảnh sát
người

ոստիկան
osdigan

tổng thống

Նախագահ
nakhakah

màu trắng

սպիտակ
sbidag

màu đen

սև
sev

màu đỏ

կարմիր
garmir

màu xanh da trời

կապույտ
gabuyd

màu xanh lá cây

կանաչ
ganach‘

màu vàng

դեղին
teghin

chậm

դանդաղ
tantagh

nhANH

արագ
arak

vui vẻ

զվարճալի
zvarjali

không công bằng

անարդար
anartar

công bằng

արդար
artar

khó

դժվար
tzhvar

dễ

հեշտ
heshd

Cái này khó

Սա դժվար է:
Sa tzhvar ê:

giàu

հարուստ
harusd

nghèo

աղքատ
aghk'ad

khỏe

ուժեղ
uzhegh

yếu

թույլ
t'uyI

an toàn

ապահով
abahov

một mỗi

հոգևած
hoknadz

tự hào

հպարտ
hbard

no bụng

կուշտ
gushd

bệnh

հիվանդ
hivant

khỏe mạnh

առողջ
aroghch

tức giận

զայրացած
zayrats'adz

thấp
đại cương

ցածր
ts'adzr

cao
đại cương

բարձր
partsr

thẳng

ուղիղ
ughigh

mỗi / mọi

ամեն
amen

luôn luôn

միշտ
mishd

thực ra

իրականում
iraganum

lần nữa

նորից
norits'

đã

արդեն
arten

ít hơn

պակաս
bagas

phần lớn

ամենաշատ
amenashad

nhiều hơn

ավելի շատ
aveli shad

Tôi muốn nhiều hơn

Ես ավելին եմ ուզում:
Es avelin em uzum:

không có

ոչինչ
och'inch'

rất

շատ
shad

động vật

կենդանի
gentani

con lợn

խոզ
khoz

con bò

կով
gov

con ngựa

ծի
tsi

con chó

շուն
shun

con cừu

ոչխար
och'khar

con khỉ

կապիկ
gabig

con mèo

կատու
gadu

con gấu

արջ
arch

con gà

հավ
hav

con vịt

բադ
pat

con bướm

թիթեռ
t'it'er

con ong

մեղու
meghu

con cá

ծով
tsug

con nhện

սարդ
sart

con rắn

օձ
ōts

ở ngoài

դրսում
trsum

ở trong

ներսում
nersum

xa

հեռու
heřu

gần

մոտ
mod

bên dưới

ստորև
sdorev

bên trên

վերևում
verevum

bên cạnh

կողքին
goghk'in

phía trước

առջև
arčev

phía sau

հետև
hedev

ngọt

քաղցր
k'aghts'r

chua

թթու
t't'u

lạ

տարօրինակ
darōrinag

mềm

փափուկ
p'ap'ug

cứng

կարծր
gardzr

đáng yêu

պուպուշ
bubush

ngu ngốc

հիմար
himar

điên khùng

խենթ
khent'

bận rộn

զբաղված
zpaghvadz

cao
người

բարձրահասակ
partsrahasag

thấp
người

կարճահասակ
garjahasag

lo lảng

անհանգիստ
anhankisd

ngạc nhiên

զարմացած
zarmats'adz

ngẫu

թույլ
t'uyn

cư xử tốt

բարեկիրթ
paregirt'

ác độc

չար
ch'ar

khéo léo

խելացի
khelats'i

lạnh

ցուրտ
ts'urd

nóng

շոգ
shok

đầu

գլուխ
klukh

mũi

քիթ
k'it'

tóc

մազ
maz

miệng

բերան
peran

tai

ականջ
aganch

mắt

աչք
ach'k'

bàn tay

ծեղք
tserk'

bàn chân

ոսոք
odk'

tim

սիրտ
sird

não

ուղեղ
ughegh

kéo

քաշել
k'ashel

đẩy

հրել
hrel

ấn

սեղմել
seghmel

đánh

հարվածել
harvadzel

bắt

բռնել
prnel

chiến đấu

կռվել
grvel

ném

նետել
nedel

chạy
động từ

վազել
vazel

đọc

կարդալ
gartal

viết

գրել
krel

sửa chữa

նւղղել
ughghel

đếm

հաշվել
hashvel

cắt

կտրել
gdrel

bán

վաճառել
vajaɾel

mua

գնել
knel

trả

վճարել
vjarel

học

սովորել
sovorel

mơ

երագել
erazel

ngủ

քնել
k'nel

chơi

խաղալ
khaghal

ăn mừng

տոնել
donel

ngủ ngơi

հանգստանալ
hanksdanal

thưởng thức

վայելել
vayeel

dọn dẹp

մաքել
mak'el

trường học

դպրոց
tbrots'

nhà ở

տուն
dun

cửa

դուռ
tur

chồng

ամուսին
amusin

vợ

կին
gin

đám cưới

հարսանիք
harsanik'

người

մարդ
mart

xe hơi

մեքենա
mek'ena

nhà

տուն
dun

thành phố

քաղաք
k'aghak'

số

թիվ
t'iv

21

քանմեկ
k'sanmeg

22

քաներկու
k'sanergu

26

քանկէց
k'sanvets'

30

երեսուն
eresun

31

երեսումեկ
eresunmeg

33

երեսուներեք
eresunerek'

37

երեսունյոթ
eresunyot'

40

քառասուն
k'arasun

41

քառասումեկ
k'arasunmeg

44

քառասունչորս
k'arasunch'ors

48

քառասունութ
k'arasunut'

50

հիսուն
hisun

51

հիսունմեկ
hisunmeg

55

հիսունհինգ
hisunhink

59

հիսունինը
hisuninē

60

վաթսուն
vat'sun

61

վաթսունմեկ
vat'sunmeg

62

վաթսուներկու
vat'sunergu

66

վաթսունվեց
vat'sunvets'

70

յոթանասուն
yot'anasun

71

յոթանասունմեկ
yot'anasunmeg

73

յոթանասուներեք
yot'anasunerek'

77

յոթանասունյոթ
yot'anasunyot'

80

ութսուն
ut'sun

81

ութսունմեկ
ut'sunmeg

84

ութսունչորս
ut'sunch'ors

88

ութսունութ
ut'sunut'

90

իննսուն
innsun

91

իննսունմեկ
innsunmeg

95

իննսունհինգ
innsunhink

99

իննսունիւնը
innsunině

100

հարյուր
haryur

1000

հազար
hazar

10.000

տաս հազար
das hazar

100.000

հարյուր հազար
haryur hazar

1.000.000

մեկ միլիոն
meg milion

con chó của tôi

իմ շունը
im shuně

con mèo của bạn

քո կատուն
k'o gadun

váy của cô ấy

նրա զգեստը
nra zkesdë

xe của anh ấy

նրա մեքենան
nra mek'enan

quả bóng của nó

նրա գնդակը
nra kntagě

nhà của chúng tôi

մեր տունը
mer duně

đội của bạn

ծեր թիմը
tser t'imě

công ty của họ

նրանց ընկերությունը
nrants' ěngerut'yuně

mọi người

բոլորը
polorě

cùng nhau

միասին
miasin

khác

այլ
ayl

không thành vấn đề

կապ չունի
gab ch'uni

chúc mừng

կենաց
genats'

thư giãn đi

հանգստացիր
hanksdats'ir

tôi đồng ý

համաձայն եմ
hamatsayn em

chào mừng

բարի գալուստ
pari kalusd

không phải lo

խնդիր չկա
Khntir ch'ga

phải

թեքվիր աջ
t'ek'vir ach

phải trái

թեքվիր ձախ
t'ek'vir tsakh

đi thẳng

ուղիղ գնա
ughigh kna

Hãy đi với tôi

Արի ինձ հետ
Ari ints hed

trúng

ծո՛ւ
tsu

phô mai

պանիր
banir

sữa

կաթ
gat[՝]

cá

ծով
tsug

thịt

միս
mis

rau

բանջարեղեն
panchareghen

trái cây

միրգ
mirk

xương
món ăn

ոսկոր
osgor

dầu

ծեթ
tset[՝]

bánh mì

հաց
hats[՝]

đường
món ăn

շաքարավազ
shak'aravaz

sô cô la

շոկոլադ
shogolat

kẹo

կոնֆետ
gonfed

bánh bông lan

տորթ
dort'

đồ uống

ըմպելիք
ěmbelik'

nước

ջուր
chur

nước soda

գազավորված ըմպելիք
kazavorvadz ěmbelik'

cà phê

սուրճ
surj

trà

թեյ
t'ey

bia

գարեջուր
karechur

rượu nho

գինի
kini

sa lát

աղցան
aghts'an

súp

ապուր
abur

món trắng miệng

աղանդեր
aghanter

bữa ăn sáng

նախաճաշ
nakhajash

bữa trưa

լանչ
lanch'

bữa tối

ճաշ
jash

pizza

պիցցա
bits'ts'a

xe buýt

ավտոբուս
avdopus

xe lửa

գնացք
knats'k'

ga xe lửa

կայարան
gayaran

trạm dừng xe buýt

կանգառ
gankaṛ

máy bay

ինքնաթիռ
ink'nat'ir

tàu

նավ
nav

xe tải

բեռնատար
peṛnadar

xe đạp

հեծանիվ
hedzaniv

xe mô tô

մոտոցիկլետ
modots'igled

xe taxi

տաքսի
dak'si

đền giao thông

լուսացույց
lusats'uyts'

bãi đậu xe

ավտոկայան
avdogayan

đường
xe hơi

ճանապարհ
janabarh

quần áo

հագուստ
hakusd

giày dép

կոշիկ
goshig

áo choàng

վերարկու
verargu

áo len

սվիտեր
svider

áo sơ mi

վերնաշապիկ
vernashabig

áo khoác

բաճկոն
pajgon

áo phục

կոստյում
gosdyum

quần dài

տաբատ
dapad

đầm

զգեստ
zkesd

áo phông

շապիկ
shabig

bít tất

գուլպաներ
kulbaner

áo ngực

կրծկալ
grdsgal

quần lót

անդրավարտիք
antravardikʻ

kính

ակնոցներ
agnotsʻner

túi xách

ծեռքի պայուսակ
tserkʻi bayusag

ví tiền

քսակ
kʻsag

ví

դրամապանակ
tramabanag

nhẫn

մատանի
madani

mũ

գլխարկ
klkharg

đồng hồ đeo tay

ժամացույց
zhamatsʻuytsʻ

túi

գրպան
krban

Bạn tên gì?

Ի՞նչ է քո անունը:
I'nch' ē k'o anunē:

Tên của tôi là David

Իմ անունը Դավիթ է:
Im anunē Tavit' ē:

Tôi 22 tuổi

Ես քսաներկու
տարեկան եմ:
Es k'sanergu daregan em:

Bạn có khoẻ không?

Ինչպե՞ս ես:
Inch'be's es:

Bạn có ổn không?

Լա՞վ ես:
La'v es:

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

Որտե՞ղ է զուգարանը:
Orde'gh ē zukaranē:

Tôi nhớ bạn

Ես քեզ կարոտում եմ:
Es k'ez garodum em:

mùa xuân

գարուն
karun

mùa hè

ամառ
amaṛ

mùa thu

աշուն
ashun

mùa đông

ձմեռ
tsmeṛ

tháng một

հունվար
hunvar

tháng hai

փետրվար
p'edrvar

tháng ba

մարտ
mard

tháng tư

ապրիլ
abril

tháng năm

մայիս
mayis

tháng sáu

հունիս
hunis

tháng bảy

հուլիս
hulis

tháng tám

օգոստոս
ōkosdos

tháng chín

սեպտեմբեր
sebdemper

tháng mười

հոկտեմբեր
hogdemper

tháng mười một

նոյեմբեր
noyemper

tháng mười hai

դեկտեմբեր
tegdemper

mua sắm

գնում
knum

hóa đơn

հաշիվ
hashiv

chợ

շուկա
shuga

siêu thị

սուպերմարկետ
subermarged

tòa nhà

շինություն
shinut'yun

căn hộ

բնակարան
pnagaran

trường đại học

համալսարան
hamalsaran

nông trại

ագարակ
akarag

nhà thờ

եկեղեցի
egeghets'i

nhà hàng

ռեստորան
resdoran

quán bar

բար
par

phòng thể dục

մարզասրահ
marzasrah

công viên

այգի
ayki

nhà vệ sinh
đại cương

զուգարան
zukaran

bản đồ

քարտեզ
k'ardez

xe cứu thương

շտապօգնություն
shdabōknut'yun

cảnh sát
đại cương

ուսիկանություն
osdiganut'yun

súng

ատրճանակ
adrjanag

lính cứu hỏa
đại cương

հրշեջներ
hrshechner

quốc gia

երկիր
ergir

ngoại ô

արվարձան
arvartsan

ngôi làng

գյուղ
kyugh

sức khỏe

առողջություն
ařoghchut'yun

dược phẩm

դեղ
tegh

tai nạn

դժբախտ պատահար
tzhpakhd badahar

bệnh nhân

հիվանդ
hivant

phẫu thuật

վիրահատություն
virahadut'yun

viên thuốc

հաբ
hap

sốt

ջերմություն
chermut'yun

cảm lạnh

մրսածություն
mrsadzut'yun

vết thương

վերք
verk'

cuộc hẹn

ժամադրություն
zhamatrut'yun

ho

հազ
haz

cổ

պարանոց
baranots'

mông

հետույք
heduyk'

vai

ուս
us

đầu gối

ծունկ
dzung

chân

ոտք
odk'

tay

բազուկ
pazug

bụng

որովայն
orovayn

ngực

կուրծք
gurdzk'

lưng

մեջք
mechk'

răng

ատամ
adam

lưỡi

լեզու
lezu

môi

շրթունք
shrt'unk'

ngón tay

մատ
mad

ngón chân

ոտնամատ
odnamad

dạ dày

ստամոքս
sdamok's

phổi

թոք
t'ok'

gan

լյարդ
lyart

dây thần kinh

նյարդ
nyart

thận

երիկամ
erigam

ruột

աղիք
aghik'

màu sắc

գույն
kuyn

màu cam

նարնջագույն
narnchakuyn

màu xám

մոխրագույն
mokhrakuyn

màu nâu

շագանակագույն
shakanagakuyn

màu hồng

վարդագույն
vartakuyn

nhàm chán

ծանձրալի
tsantsrali

nặng

ծանր
dzanr

nhẹ

թեթև
t'et'ev

cô đơn

միայնակ
miaynag

đói bụng

սոված
sovadz

khát nước

ծարավ
dzarav

buồn

տխուր
dkhur

đốc

զառիթափ
zarit'ap'

bằng phẳng

հարթ
hart'

tròn

կլոր
glor

vuông

քառակուսի
k'aragusi

hẹp

նեղ
negh

rộng

լայն
layn

sâu

խոր
khor

nông

ծանծաղուտ
dzandzaghud

lớn
rất

հսկայական
hsgayagan

bắc

հյուսիս
hyusis

đông

արևելք
arevelk'

nam

հարավ
harav

tây

արևմուտք
arevmudk'

bẩn

կեղտոտ
geghdod

sạch sẽ

մաքուր
mak'ur

đầy

լիքը
lik'e

trống rỗng

դատարկ
tadarg

đất

թանկ
t'ang

rẻ

էժան
ēzhan

tối

մութ
mut'

sáng

լուսավոր
lusavor

quyến rũ

սեքսուալ
sek'sual

lười biếng

ծուլ
dzuył

dũng cảm

քաջ
k'ach

hào phóng

առատաձեռն
aradatsern

đẹp trai

վայելչակազմ
vayelch'agazm

xấu xí

տգեղ
dkegh

ngớ ngẩn

հիմար
himar

thân thiện

ընկերական
engeragan

tội lỗi

մեղավոր
meghavor

mù

կույր
guyr

say

խմած
khmadz

ướt

թաց
t'ats'

khô

չոր
ch'or

ấm áp

տաք
dak'

ồn ào

բարձրաձայն
partsratsayn

yên tĩnh

հանգիստ
hankisd

im lặng

լուռ
lur

nhà bếp

խոհանոց
khohanots'

phòng tắm

սանհանգույց
sanhankuyts'

phòng khách

հյուրասենյակ
hyurasenyag

phòng ngủ

ննջասենյակ
nnchasenyag

vườn

այգի
ayki

gara

ավտոտնակ
avdodnag

tường

պատ
bad

tầng hầm

նկուղ
ngugh

nhà vệ sinh
nhà ở

զուգարան
zukaran

cầu thang

աստիճաններ
asdjanner

mái nhà

տանիք
danik'

cửa sổ
tòa nhà

պատուհան
baduhan

dao

դանակ
tanag

tách

սուրճի բաժակ
surji pazhag

ly

բաժակ
pazhag

đĩa

ափսե
ap'se

cốc

բաժակ
pazhag

thùng rác

աղբաման
aghpaman

tô

թաս
t'as

bộ tivi

հեռուստացույց
heřusdats'uyts'

bàn
văn phòng

գրասեղան
kraseghan

giường

մահճակալ
mahjagal

gương

հայելի
hayeli

vòi hoa sen

ցեղուղ
ts'nts'ugh

ghế sofa

բազմոց
pazmots'

ảnh

նկար
ngar

đồng hồ

ժամացույց
zhamats'uyts'

bàn
nhà

սեղան
seghan

ghế
nhà

աթոռ
at'or

hồ bơi
vườn

լողավազան
loghavazan

chuông

դռան զանգ
tʁan zank

hàng xóm

հարևան
harevan

thất bại

ծախողել
tsakhoghel

chọn

ընտրել
ëndrel

bắn

կրակել
gragel

bình chọn

քվեարկել
k'veargel

rơi xuống

ընկնել
ëngnel

bảo vệ

պաշտպանել
bashdbanel

tấn công

հարձակվել
hartsagvel

trộm

գողանալ
koghanal

đốt

այրել
ayrel

cứu

փրկել
p'rgel

hút thuốc

ծխել
dzkhel

bay

թռչել
t'rch'el

mang theo

տանել
danel

khắc nhớ

թքել
t'k'el

đá
động từ

նսրցով հարվածել
odk'ov harvadzel

cẩn

կծել
gdzel

thở

շնչել
shnch'el

người

հոտոտել
hododel

khóc

լացել
lats'el

hát

երգել
erke

cười mỉm

ծպտալ
zhbdal

cười

ծիծաղել
dzidzaghel

lớn lên

աճել
ajel

co lại

փոքրացնել
p'ok'rats'nel

tranh luận

վիճել
vijel

đe dọa

սպառնալ
sbarnal

chia sẻ

կիսել
gisel

cho ăn

կերակրել
geragrel

trốn

թաքնվել
t'ak'nvel

cảnh báo

զգուշացնել
zkushats'nel

bơi

լողալ
loghal

nhảy

ցատկել
ts'adgel

lăn

գլորել
klorel

nâng

բարձրացնել
partsrats'nel

đào

փորել
p'orel

sao chép

պատճենել
badjenel

giao hàng

առաքել
arax'el

tìm kiếm

փնտրել
p'ndrel

luyện tập

պարապել
barabel

đi du lịch

ճամփորդել
jamp'ortel

vẽ

նկարել
ngarel

tắm vòi sen

ցնցուղ ընդունել
ts'nts'ugh ėntunel

mở
khóa

բացել
pats'el

khóa

կողպել
goghbel

rửa

լվանալ
lvanal

cầu nguyện

աղոթել
aghot'el

nấu ăn

պատրաստել
badrasdel

sách

գիրք
kirk'

thư viện

գրադարան
krataran

bài tập về nhà

տնային աշխատանք
dnayin ashkhadank'

bài thi

քննություն
k'nnut'yun

bài học

դաս
tas

khoa học

գիտություն
kidut'yun

lịch sử

պատմություն
badmut'yun

nghệ thuật

արվեստ
arvesd

tiếng Anh

անգլերեն
ankleren

tiếng Pháp

ֆրանսերեն
franseren

cây bút

գրիչ
krich'

bút chì

մատիտ
madid

3%

երեք տոկոս
erek' dogos

thứ nhất

առաջին
arachin

thứ hai
2

երկրորդ
ergort

thứ ba
3

երրորդ
errort

thứ tư
4

չորրորդ
ch'orrort

kết quả

արդյունք
artyunk'

hình vuông

քառակուսի
k'aragusi

hình tròn

շրջան
shrchan

diện tích

տարածք
daradzk'

ngiên cứu

հետազոտություն
hedazodut'yun

bằng cấp

դիպլոմ
tiblom

cử nhân

բակալավր
pagalavr

thạc sĩ

մագիստրոս
makisdros

$x < y$

x-ը փոքր է y-ից
x-ě p'ok'r ē y-its'

$x > y$

x-ը մեծ է y-ից
x-ě medz ē y-its'

áp lực

սթրես
st'res

bảo hiểm

ապահովագրություն
abahovakrut'yun

nhân viên
công ty

անձնակազմ
antsnagazm

bộ phận

բաժին
pazhin

lương

աշխատավարձ
ashkhadavarts

địa chỉ

հասցե
hasts'e

lá thư

նամակ
namag

thuyền trưởng

կապիտան
gabidan

thám tử

խուզարկու
khuzargu

phi công

օդաչու
ōtach'ū

giáo sư

պրոֆեսոր
profesor

giáo viên

նսուցիչ
usuts'ich'

luật sư

իրավաբան
iravapan

thư ký

քարտուղարուհի
k'ardugharuhi

trợ lý

օգնական
ōknagan

thẩm phán

դատավոր
tadavor

giám đốc

տնօրեն
dnōren

quản lý

մենեջեր
menecher

đầu bếp

խոհարար
khoharar

tài xế taxi

տաքսու վարորդ
dak'su varort

tài xế xe buýt

ավտոբուսի վարորդ
avdopusi varort

tội phạm

հանցագործ
hants'akordz

người mẫu

մոդել
motel

nghệ sĩ

նկարիչ
ngarich'

số điện thoại

հեռախոսահամար
herakhosahamar

tín hiệu

ազդանշան
aztanshan

ứng dụng

հավելված
havelvadz

trò chuyện

չատ
ch'ad

tập tin

ֆայլ
fayl

url

url
url

địa chỉ email

Էլ. փոստի հասցե
êl. p'osdi hasts'e

trang mạng

վեբ կայք
vəp gayk'

thư điện tử

Էլ. փոստ
ēl. p'osd

điện thoại di động

բջջային հեռախոս
pəchəyɪn hɛrəkhos

pháp luật

օրենք
ōrenk'

nhà tù

քանտ
pand

chứng cứ

ապացույց
abats'uyts'

tiền phạt

տուգանք
dukank'

nhân chứng

վկա
vga

tòa án

դատարան
tadaran

chữ ký

ստորագրություն
sdorakrut'yun

thua lỗ

կորուստ
gorusd

lợi nhuận

շահույթ
shahuyt'

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

հաճախորդ
hajakhort

գումար
kumar

կրեդիտ քարտ
gretid k'ard

mật khẩu

máy rút tiền

bể bơi

գաղտնաբառ
kaghdnapaṛ

բանկոմատ
pangomad

լողավազան
loghavazan

điện

máy ảnh

đài radio

Էներգիա
ēnerkia

ֆոտոխցիկ
fodokhts'ig

ռադիո
ratio

quà tặng

cái chai

cái túi

սվեր
nver

շիշ
shish

պայուսակ
bayusag

chìa khóa

բանալի
panali

búp bê

տիկնիկ
dignig

thiên thần

հրեշտակ
hreshdag

lược

սանր
sanr

kem đánh răng

ատամի մածուկ
adami madzug

bàn chải đánh răng

ատամի խոզանակ
adami khozanag

dầu gội

շամպուն
shambun

kem thoa

կրեմ
grem

khăn giấy

անձեռոցիկ
antserots'ig

son môi

շրթներկ
shrt'nerg

truyền hình

հեռուստացույց
heřusdats'uyts'

rạp chiếu phim

կինո
gino

tin tức

նորություններ
norut'yunner

ghế
ràp chiếu phim

նստատեղ
nsdadegh

vé

տոմս
doms

màn chiếu

Էկրան
ēgran

âm nhạc

երաժշտություն
erazhshdut'yun

sân khấu

բեմ
pem

khán giả

հանդիսատես
hantisades

hội họa

գեղանկարչություն
keghangarch'ut'yun

trò đùa

կատակ
gadag

bài báo

հոդված
hotvadz

báo chí

թերթ
t'ert'

tạp chí

ամսագիր
amsakir

quảng cáo

գովազդ
kovazt

thiên nhiên

բնություն
pnut'yun

tro

մոխիր
mokhir

lửa

կրակ
grag

kim cương

ադամանդ
atamant

mặt trăng

լուսին
lusin

Trái Đất

Երկիր
Ergir

mặt trời

արեգակ
arekag

ngôi sao

աստղ
asdgh

hành tinh

մոլորակ
molorag

vũ trụ

տիեզերք
diezerk'

bờ biển
biển

ափ
ap'

hồ

լիճ
lij

rừng

անտառ
andar

sa mạc

անապատ
anabad

đôi núi

բլուր
plur

đá
đanh từ

ժայռ
zhayr

con sông

գետ
ked

thung lũng

հովիտ
hovid

núi

սար
sar

đảo

կղզի
gghzi

đại dương

օվկիանոս
ōvgianos

biển

ծով
dzov

thời tiết

եղանակ
eghanag

băng

սառույց
saruyts'

tuyết

ծյուն
tsyun

bão táp

փոթորիկ
p'ot'orig

mưa

անձրև
antsrev

gió

քամի
k'ami

thực vật

բույս
puys

cây

ծառ
dzar

cỏ

խոտ
khod

hoa hồng

վարդ
vart

hoa

ծաղիկ
dzaghig

chất khí

գազ
kaz

kim loại

մետաղ
medagh

vàng

նսկի
osgi

bạc

արծաթ
ardzat'

Bạc rẻ hơn vàng

Արծաթն ավելի էժան է,
քան նսկին:
Ardzat'n aveli ēzhan ē, k'an osgin:

Vàng đắt hơn bạc

Ոսկին ավելի
թանկարժեք է, քան
արծաթը:
Osgin aveli t'angarzhek' ē, k'an
ardzat'ē:

ngày lễ

տոն
don

thành viên
người

անդամ
antam

khách sạn

հյուրանոց
hyuranots'

bờ biển
cát

լողափ
loghap'

khách

հյուր
hyur

sinh nhật

ծննդան օր
dznntyan ōr

Giáng sinh

Ամանոր
Amanor

Năm Mới

Նոր Տարի
Nor Dari

Lễ Phục sinh

Զատիկ
Zadig

chú

հորեղբայր
horeghpayr

cô

մորաքույր
morak'uyr

bà nội

տատիկ
dadig

ông nội

պապիկ
babig

bà ngoại

տատիկ
dadig

ông ngoại

պապիկ
babig

tử vong

մահ
mah

phần mộ

գերեզման
kerezman

ly hôn

ամուսնալուծություն
amusnaludzut'yun

cô dâu

հարս
hars

chú rể

փեսա
p'esa

101

հարյուր մեկ
haryur meg

105

հարյուր հինգ
haryur hink

110

հարյուր տասը
haryur dasē

151

հարյուր հիսունմեկ
haryur hisunmeg

200

երկու հարյուր
ergu haryur

202

երկու հարյուր երկու
ergu haryur ergu

206

երկու հարյուր վեց
ergu haryur vets'

220

երկու հարյուր քսան
ergu haryur k'san

262

երկու հարյուր
վաթսուներկու
ergu haryur vat'sunergu

300

երեք հարյուր
erek' haryur

303

երեք հարյուր երեք
erek' haryur erek'

307

երեք հարյուր յոթ
erek' haryur yot'

330

երեք հարյուր երեսուն
erek' haryur eresun

373

երեք հարյուր յոթանասուներեք
erek' haryur yot'anasunerek'

400

չորս հարյուր
ch'ors haryur

404

չորս հարյուր չորս
ch'ors haryur ch'ors

408

չորս հարյուր ութ
ch'ors haryur ut'

440

չորս հարյուր քառասուն
ch'ors haryur k'arasun

484

չորս հարյուր
ութսունչորս
ch'ors haryur ut'sunch'ors

500

հինգ հարյուր
hink haryur

505

հինգ հարյուր հինգ
hink haryur hink

509

հինգ հարյուր ինը
hink haryur inë

550

հինգ հարյուր հիսուն
hink haryur hisun

595

հինգ հարյուր
իննսունհինգ
hink haryur innsunhink

600

վեց հարյուր
vets' haryur

601

վեց հարյուր մեկ
vets' haryur meg

606

վեց հարյուր վեց
vets' haryur vets'

616

վեց հարյուր տասնվեց
vets' haryur dasnvets'

660

վեց հարյուր վաթսուն
vets' haryur vat'sun

700

յոթ հարյուր
yot' haryur

702

յոթ հարյուր երկու
yot' haryur ergu

707

յոթ հարյուր յոթ
yot' haryur yot'

727

յոթ հարյուր քսանյոթ
yot' haryur k'sanyot'

770

յոթ հարյուր յոթանասուն
yot' haryur yot'anasun

800

ութ հարյուր
ut' haryur

803

ութ հարյուր երեք
ut' haryur erek'

808

ուլթ հարյուր ուլթ
ut' haryur ut'

838

ուլթ հարյուր երեսունուլթ
ut' haryur eresunut'

880

ուլթ հարյուր ուլթսուն
ut' haryur ut'sun

900

ինը հարյուր
ině haryur

904

ինը հարյուր չորս
ině haryur ch'ors

909

ինը հարյուր ինը
ině haryur ině

949

ինը հարյուր
քառասունինը
ině haryur k'arasunině

990

ինը հարյուր ինսուն
ině haryur innsun

con hỏ

վագր
vakr

con chuột

մուկ
mug

con chuột cống

առնետ
ar'ned

con thỏ

նապաստակ
nabasdag

con sư tử

առյուծ
aɾyudz

con lừa

ավանակ
avanag

con voi

փիղ
p'igh

con chim

թռչուն
t'rch'un

con gà trống choai

աքլոր
ak'lor

con chim bồ câu

աղավախ
aghavni

con ngỗng

սագ
sak

côn trùng

միջատ
michad

con bọ

փայտոջիլ
p'aydochil

con muỗi

մոծակ
modzag

con ruồi

ճանճ
janj

con kiến

մրջյուն
mrchyun

con cá voi

կետ
ged

con cá mập

շնածուկ
shnatsug

con cá heo

դելֆին
telfin

con ốc sên

խխունջ
khkhunch

con ếch

գորտ
kord

thường xuyên

հաճախ
hajakh

ngay lập tức

անմիջապես
anmichabes

đột ngột

հանկարծակի
hangardzagi

mặc dù

թեև
t'eev

thể dục dụng cụ

մարմնամարզություն
marmnamarzut'yun

quần vợt

թենիս
t'enis

chạy
đánh từ

վազք
vazk'

đạp xe

հեծանվապարհ
hedzanvavazk'

đánh golf

գոլֆ
kolf

trượt băng

չմշկասահք
ch'mshgasahk'

bóng đá

ֆուտբոլ
fudpol

bóng rổ

բասկետբոլ
pasgedpol

bơi lội

լող
logh

lặn

դայվինգ
tayvink

đi bộ đường dài

քայլարշավ
k'aylarshav

Vương quốc Anh

Միացյալ Թագավորություն
Miats'yal T'akavorut'yun

Tây Ban Nha

Իսպանիա
Isbania

Thụy sĩ

Շվեյցարիա
Shveyts'aria

Ý

Իտալիա
Idalia

Pháp

Ֆրանսիա
Fransia

Đức

Գերմանիա
Kermania

Thái Lan

Թաիլանդ
T'ailant

Singapore

Սինգապուր
Sinkabur

Nga

Ռուսաստան
Rusasdan

Nhật Bản

Ճապոնիա
Jabonia

Israel

Իսրայել
Israyel

Ấn Độ

Հնդկաստան
Hntgasdan

Trung Quốc

Չինաստան
Ch'inasdan

Hoa Kỳ

Ամերիկայի Միացյալ
Նահանգներ
Amerigayi Miats'yal Nahankner

Mexico

Մեքսիկա
Mek'siga

Canada

Կանադա
Ganata

Chile

Չիլի
Ch'ili

Brazil

Բրազիլիա
Prazilia

Argentina

Արգենտինա
Arkendina

Nam Phi

Հարավային Աֆրիկա
Haravayin Afriga

Nigeria

Նիգերիա
Nikeria

Ma Rôc

Մարոկկո
Maroggo

Libya

Լիբիա
Lipia

Kenya

Քենիա
K'enia

Algeria

Ալժիր
Alzhir

Ai Cậ

Եգիպտոս
Ekibdos

New Zealand

Նոր Չելանդիա
Nor Zelantia

Úc

Ավստրալիա
Avsdralia

Châu Phi

Աֆրիկա
Afriga

Châu Âu

Եվրոպա
Evropa

Châu Á

Ասիա
Asia

Châu Mỹ

Ամերիկա
Ameriga

mười lăm phút

քառորդ ժամ
k'arot zham

nửa tiếng

կես ժամ
ges zham

bốn mươi lăm phút

երեք քառորդ ժամ
erek' k'arot zham

1:00

ժամը մեկը
zhamě megě

2:05

երկուսն անց հինգ
ergusn ants' hink

3:10

երեքն անց տաս
erek'n ants' das

4:15

չորս անց տասնհինգ
ch'ors ants' dasnhink

5:20

հինգ անց քսան
hink ants' k'san

6:25

վեց անց քսանհինգ
vets' ants' k'sanhink

7:30

յոթ անց կես
yot' ants' ges

8:35

իննից քսանհինգ
պակաս
innits' k'sanhink bagas

9:40

տասից քսան պակաս
dasits' k'san bagas

10:45

տասնմեկից տասնհինգ
պակաս
dasnmegits' dasnhink bagas

11:50

տասներկուսից տաս
պակաս
dasnergusits' das bagas

12:55

մեկից հինգ պակաս
megits' hink bagas

một giờ sáng

գիշերվա ժամը մեկը
kisherva zhamě megě

hai giờ chiều

ցերեկվա ժամը երկուսը
ts'eregva zhamě ergusě

tuần trước

անցյալ շաբաթ
ants'yal shapat'

tuần này

այս շաբաթ
ays shapat'

tuần sau

հաջորդ շաբաթ
hachort shapat'

năm ngoái

անցյալ տարի
ants'yal dari

năm nay

այս տարի
ays dari

năm sau

հաջորդ տարի
hachort dari

tháng trước

անցյալ ամիս
ants'yal amis

tháng này

այս ամիս
ays amis

tháng sau

հաջորդ ամիս
hachort amis

2014-01-01

Երկու հազար
տասնչորսի հունվարի
մեկ
ergu hazar dasnch'orsi hunvari meg

2003-02-25

Երկու հազար երեքի
փետրվարի քսանհինգ
ergu hazar erek'i p'edrvari k'sanhink

1988-04-12

հազար ինը հարյուր
ութսունութի ապրիլի
տասներկու
hazar ině haryur ut'sunut'i abrili
dasnergu

1899-10-13

հազար ութ հարյուր
ինսունինսի
հոկտեմբերի տասներեք
hazar ut' haryur innsuninni
hogdemperi dasnerek'

1907-09-30

հազար ինը հարյուր յոթի
սեպտեմբերի երեսուն
hazar ině haryur yot'i sebdemperi
eresun

2000-12-12

Երկու հազարի
դեկտեմբերի տասներկու
ergu hazari tegdemperi dasnergu

trán

ճակատ
jagad

nếp nhăn

կնճիռ
gnjir

cằm

կզակ
gzag

má
cơ thể

այտ
ayd

râu

մորուք
moruk'

lông mi

թարթիչներ
t'art'ich'ner

lông mày

հոնք
honk'

eo

գոտկատեղ
kodgadegh

gáy

ծոծրակ
dzodzrag

lồng ngực

կրծքավանդակ
grdzk'avantag

ngón cái

բութ մատ
put' mad

ngón tay út

ճկույթ
jguyt'

ngón tay đeo nhẫn

մատնեմատ
madnemad

ngón tay giữa

միջնամատ
michnamad

ngón tay trỏ

ցուցամատ
ts'uts'amad

cổ tay

դաստակ
tasdag

móng tay

ծեռքի մատի եղունգ
tserk'i madi eghunk

gót chân

կրունկ
grung

xương sống

ողնաշար
oghnashar

cơ bắp

մկան
mgan

xương
cơ thể

ոսկոր
osgor

bộ xương

կմախք
gmakhk'

xương sườn

կողոսկր
goghosgr

đốt sống

ող
ogh

bàng quang

միզապարկ
mizabarg

tĩnh mạch

երակ
erag

động mạch

զարկերակ
zargerag

âm đạo

հեշտոց
heshdots'

tinh trùng

սերմահեղուկ
sermnaheghug

dương vật

առնանդամ
aṛnantam

tinh hoàn

ամորձի
amortsi

mộng nước

հյուլթեղ
hyut'egh

cay

կծու
gdzu

mặn

աղի
aghi

sống
tính từ

հում
hum

lược

խաշած
khashadz

nhút nhát

ամաչկոտ
amach'god

tham lam

ազահ
akah

ngghiêm khắc

խիստ
khisd

điếc

խոլ
khul